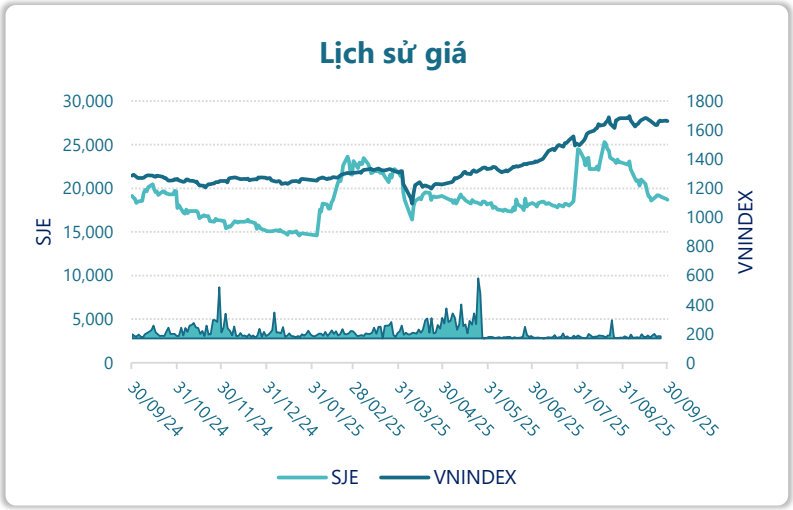
FireAnt

CTCP Sông Đà 11 (HNX: SJE)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,585
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	80,710
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	748
P/E	4.0
EPS	4,676

DT thuần

Q3/25

357

tỷ VNĐ

QoQ: ▼328| -47.9%

YoY: ▼241| -40.3%

LN sau thuế

Q3/25

69.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.6| 42.6%

YoY: ▲ 59.4| 611%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

28.1%

+/- YoY: ▲ 21.8%

DT thuần

9T 2025

1,252

tỷ VNĐ

YoY: ▼412| -24.8%

LN sau thuế

9T 2025

148

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.0| 29.4%

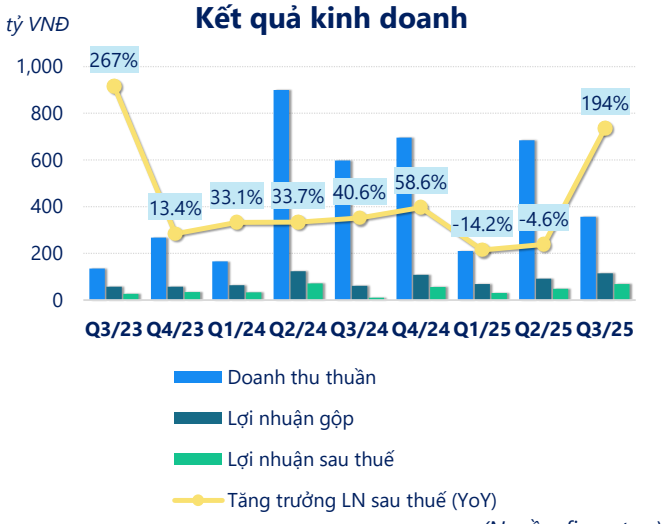
ROE

Q3/25

19.8%

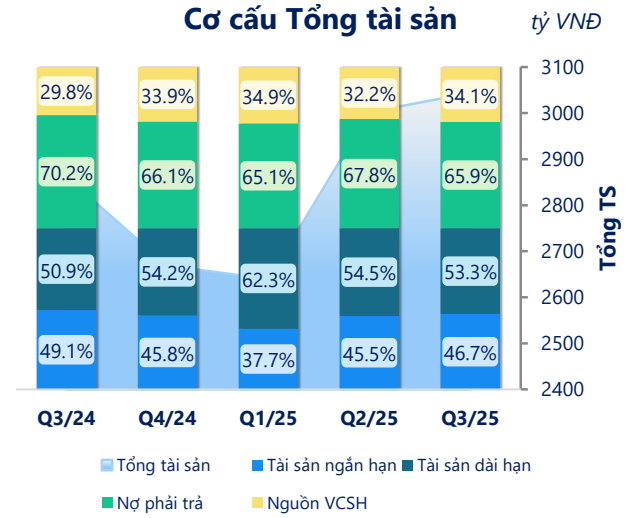
+/- YoY: ▲ 2.8%

Kết quả kinh doanh



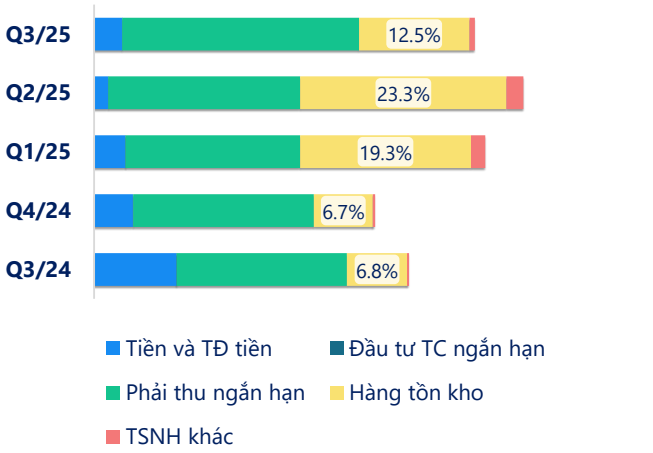
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



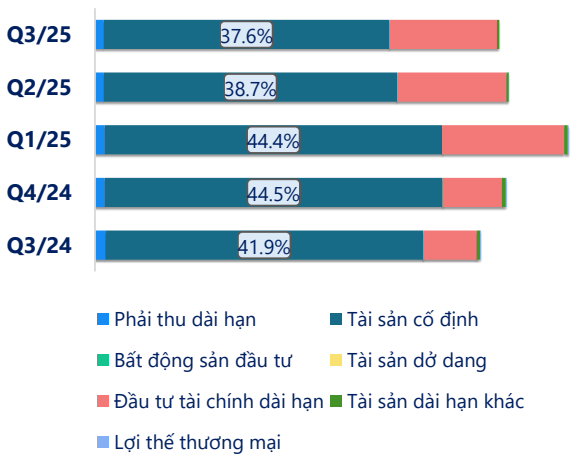
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



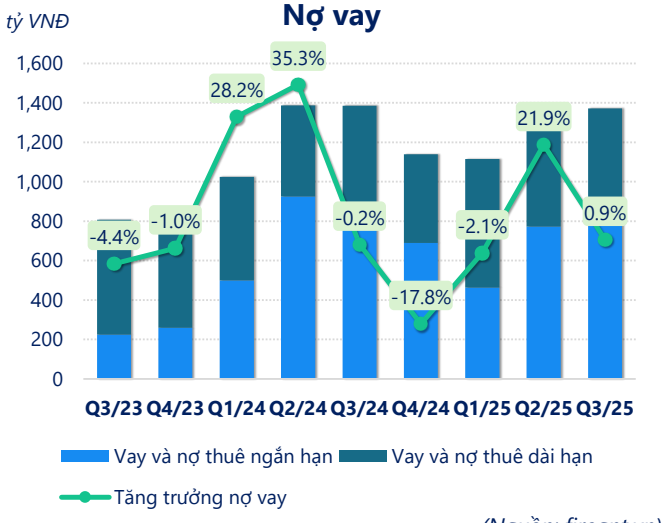
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



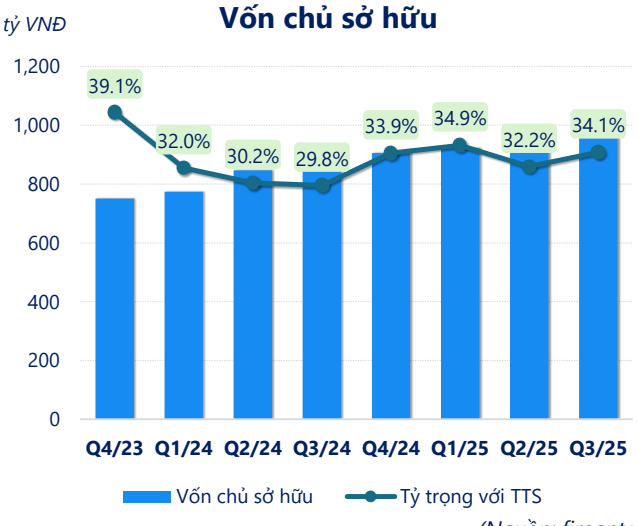
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



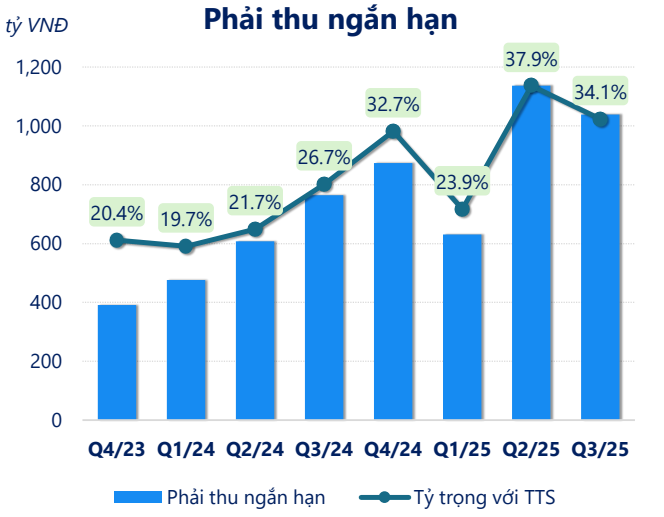
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



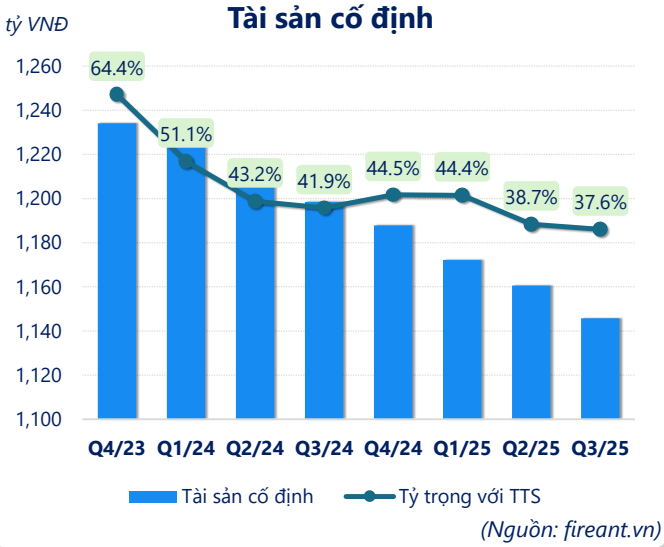
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



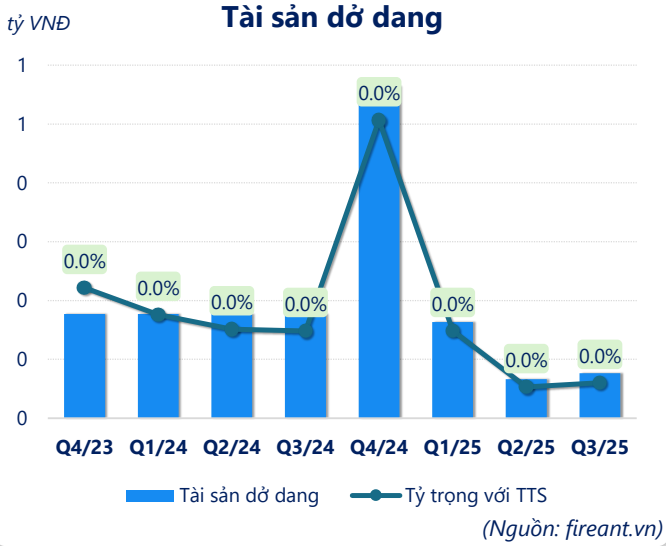
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



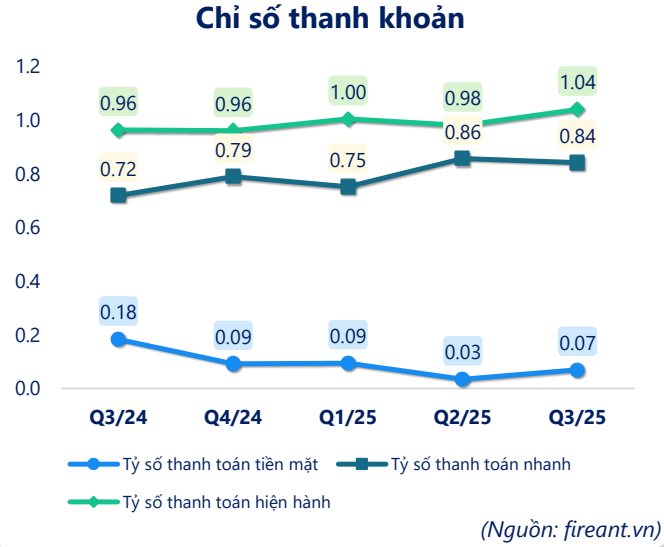
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



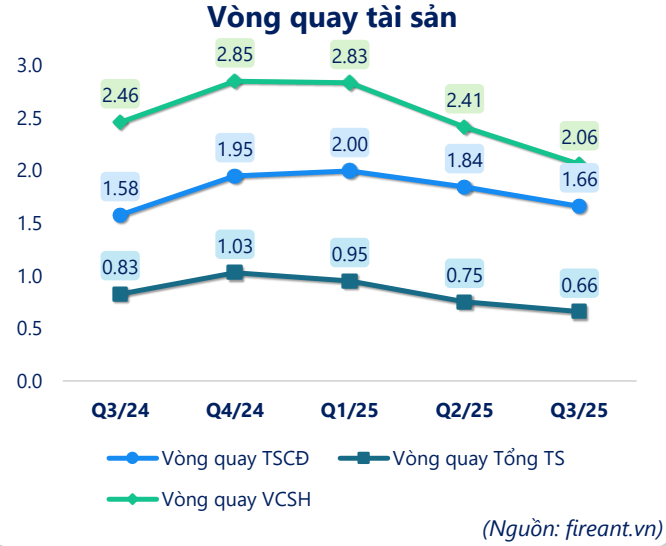
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,862**	**2,669**	**2,640**	**3,002**	**3,044**
Tài sản ngắn hạn	**1,406**	**1,222**	**994**	**1,365**	**1,422**
Tiền và tương đương tiền	267	117	93.7	48.2	96.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.08	0.08	2.28	2.78	2.76
Phải thu ngắn hạn	765	874	631	1,137	1,039
Hàng tồn kho	357	218	250	172	271
Tài sản ngắn hạn khác	17.8	13.6	16.9	4.88	13.5
Tài sản dài hạn	**1,455**	**1,446**	**1,645**	**1,637**	**1,621**
Phải thu dài hạn	38.2	33.8	33.8	33.8	33.8
Tài sản cố định	1,199	1,188	1,172	1,161	1,146
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.18	0.56	0.16	0.07	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	201	207	424	431	431
Tài sản dài hạn khác	13.6	14.1	12.9	9.33	8.74
Lợi thế thương mại	3.30	2.87	2.44	2.01	1.65
Nợ phải trả	**2,008**	**1,763**	**1,717**	**2,035**	**2,007**
Nợ ngắn hạn	**1,460**	**1,272**	**989**	**1,392**	**1,368**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	878	689	463	772	788
Phải trả người bán ngắn hạn	184	330	203	250	221
Nợ dài hạn	549	491	728	642	639
Vay và nợ thuê dài hạn	507	449	652	587	584
Nguồn vốn chủ sở hữu	**853**	**906**	**922**	**967**	**1,036**
Vốn chủ sở hữu	**853**	**906**	**922**	**967**	**1,036**
Vốn điều lệ	242	242	242	242	242
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)